

DANH SÁCH CÔNG KHAI

Kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đợt 5)

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	Trần Khánh Tùng (Trần Thị Vân)	Tây Xuân	Tây Xuân	77	426	2.671,7	Năm 1996	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1996, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng năm 1996 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1996	Không	Phù hợp
2	Nguyễn Đình Lý (Lê Thị Trâm)	Trung Sơn	Trung Sơn	27	58	3.587,8	Năm 1979	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1979, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1979	Không	Phù hợp
3	Võ Công Hành (Hồ Thị Kiên)	Hòa Hợp	Hòa Hợp	64	427	58,1	Năm 1976	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất của cha mẹ năm 2013, thửa đất của cha mẹ sử dụng làm nhà ở năm 1976, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm được sử dụng từ năm 2013 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	2013	Không	Phù hợp
4	Nguyễn Văn Tinh (Nguyễn Thị Hương)	Vân Lạc	Vân Lạc	30	435	79,5	Năm 1976	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Nguyễn Chứng năm 2012, thửa đất của ông Nguyễn Chứng sử dụng làm nhà ở năm 1976, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm được sử dụng từ năm 1976 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	2012	Không	Phù hợp
5	Nguyễn Văn Thảo (Đặng Thị Tuyết)	Nam Mỹ Lợi	Nam Mỹ Lợi	55	454	24,6	Năm 1985	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1985, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng năm 1985 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1985	Không	Phù hợp

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
6	Nguyễn Văn Hà (Lê Thị Tân Thiện)	Sa Xá	Sa Xá	59	232	252,8	Năm 1976	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Nguyễn Văn Hán năm 2011, thửa đất của ông Nguyễn Văn Hán làm nhà ở sử dụng ổn định từ năm 1976, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước năm 1976 đến nay	Trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp
7	Nguyễn Văn Hùng (Võ Thị Anh)	Mỹ Liên	Mỹ Liên	39	588	-3,3	Năm 2012	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2012, thửa đất có nguồn gốc đất do cha mẹ sử dụng làm nhà ở năm 1986, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	Trồng cây lâu năm	2012	Không	Phù hợp
8	Nguyễn Văn Kỳ	phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	Liên Sơn	29	364	21,6	Năm 1990	Đất nhận thừa kế QSD đất năm 2025, thửa đất của ông Nguyễn Hữu Xem sử dụng ổn định từ năm 1990, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1990 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1990	Không	Phù hợp
9	Nguyễn Tái Thành	Hòa Hợp	Hòa Hợp	72	287	-97,4	Năm 1979	Đất nhận thừa kế QSD đất năm 2024, thửa đất của bà Chu Thị Tuấn sử dụng ổn định từ năm 1979, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1979 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1979	Không	Phù hợp
10	Nguyễn Văn Liên (Nguyễn Thị Thinh)	Trung Xuân	Trung Xuân	80	549	1.518,2	Năm 1961	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất của cha mẹ năm 1991, thửa đất có nhà ở sử dụng ổn định từ năm 1961, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1991 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1991	Không	Phù hợp
11	Trần Thanh Bình	Mỹ Liên	Mỹ Liên	39	317	77,9	Năm 2014	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất của bà Phan Thị Châu sử dụng ổn định làm nhà ở từ năm 2014, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2014 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	2014	Không	Phù hợp

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
12	Phan Văn Biên (Nguyễn Thị Quế)	Trung Xuân	Trung Xuân	80	618	1.494,7	Năm 1962	Đất do cha mẹ tặng cho làm nhà ở năm 1984, thửa đất của cha mẹ. Phan Văn Đệ sử dụng năm 1962, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1984 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1984	Không	Phù hợp
13	Phạm Ngọc Thuận (Nguyễn Thị Khê)	Đông Xuân	Đông Xuân	43	206	2.826,0	Năm 1979	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1979, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng ôn định từ năm 1979 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1979	Không	Phù hợp
14	Lê Thị Sáu	Trung Sơn	Trung Sơn	23	237	329,7	Năm 1965	Đất bà Lê Thị Sáu nhận thừa kế QSD đất năm 2025, thửa đất làm nhà ở sử dụng ôn định năm 1965, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1965 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1965	Không	Phù hợp
15	Võ Xuân Hằng (Nguyễn Thị Hoa)	Hòa Hợp	Hòa Hợp	64	365	64,6	Năm 1992	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng năm 1992 sử dụng làm nhà ở ôn định năm 1996, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1996 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1996	Không	Phù hợp
16	Đặng Đình Tuyên (Nguyễn Thị Ngân)	Trường Xuân	Trường Xuân	105	541	2.988,8	Năm 1983	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ôn định năm 1983, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1983	Không	Phù hợp
17	Lê Thị Sen	Đại Đồng	Đại Đồng	4	254	265,7	Năm 1988	Đất gia đình khai hoang sử dụng ôn định năm 1988, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1988 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1988	Không	Phù hợp
18	Trần Đình Hữu (Nguyễn Thị Hoa)	Sa Xá	Sa Xá	59	176	648,2	Năm 1985	Đất gia đình khai hoang sử dụng ôn định năm 1985, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1985	Không	Phù hợp
19	Võ Thị Vin	Tây Xuân	Tây Xuân	89	170	1.550,9	Trước ngày 15/10/1993	Đất gia đình khai hoang sử dụng ôn định trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
20	Trần Đình Thi (Nguyễn Thị Ninh)	Hồng Xuân	Hồng Xuân	78	530	844,1	Năm 1978	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1978, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1978	Không	Phù hợp
21	Trần Đình Thi	Hồng Xuân	Hồng Xuân	78	529	962,9	Trước ngày 18/12/1980	Đất ông Trần Đình Thi nhận thừa kế QSD đất năm 2025, thửa đất sử dụng làm nhà ở ổn định trước ngày 18/12/1980, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 18/12/1980 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp
22	Nguyễn Quý Thuận (Vô Thị Hội)	thôn Đồng Trụ Đông, xã Kỳ Anh	Nam Sơn	21	379	4.945,0	Năm 1994	Đất gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1994, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1994	Không	Phù hợp
23	Nguyễn Văn Hoạt (Đặng Thị Vy)	Trung Xuân	Trung Xuân	83	414	3.284,65	Năm 1992	Đất gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1992, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1992	Không	Phù hợp
24	Nguyễn Thế Hữu	Tây Xuân	Tây Xuân	78	490	1.694,9	Trước ngày 15/10/1993	Đất do ông Nguyễn Thế Hữu nhận thừa kế QSD đất, đất sử dụng làm nhà ở ổn định trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
25	Nguyễn Văn Đình (Nguyễn Thị Hân)	Tây Xuân	Tây Xuân	63	299	745,2	Năm 1988	Đất gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1988, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1988 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1988	Không	Phù hợp
26	Nguyễn Hải Hà	Minh Xuân	Minh Xuân	82	383	936,0	Trước ngày 18/12/1980	Đất do ông Nguyễn Hải Hà nhận thừa kế QSD đất năm 2025 thửa đất sử dụng làm nhà ở ổn định từ trước ngày 18/12/1980, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
27	Lê Quang An	Sa Xá	Sa Xá	67	727	-240,0	Năm 1971	Đất do ông Lê Quang An nhận thừa kế QSD đất năm 2025, thửa đất sử dụng làm nhà ở từ năm 1971, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1971 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1971	Không	Phù hợp
28	Trần Hiếu (Nguyễn Thị Nông)	Trường Xuân	Trường Xuân	104	536	2.847,1	Năm 1978	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở từ năm 1978, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1978 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1978	Không	Phù hợp
29	Lê Thị Thanh Định	Sa Xá	Sa Xá	67	729	145,9	Năm 1997	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1997, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1997	Không	Phù hợp
30	Nguyễn Tiến Hiệp (Nguyễn Thị Châu)	xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Trường Xuân	105	501	635,5	Năm 1987	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1987, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1987 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1987	Không	Phù hợp
31	Nguyễn Thị Tuy	Nam Sơn	Nam Sơn	25	563	-1.705,1	Năm 1960	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1960, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1960	Không	Phù hợp
32	Hoàng Văn Được (Lê Thị Lót)	Văn Lạc	Văn Lạc	19	507	-13,3	Năm 2009	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2009, phần diện tích giảm là đất ở, thửa đất được gia đình sử dụng ổn định từ năm 2009 cho đến nay	Đất ở	2009	Không	Phù hợp
33	Võ Hoài Nam (Nguyễn Thị Hạnh)	Hòa Hợp	Hòa Hợp	64	367	1.576,2	Năm 1976	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1976, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp
34	Lê Thị Liên	Sa Xá	Sa Xá	59	519	23,0	Năm 1987	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1987, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1987 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1987	Không	Phù hợp

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
35	Phan Công Long (Nguyễn Thị Tuy)	Trung Xuân	Trung Xuân	92	603	728,4	Năm 1979	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1979, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1979	Không	Phù hợp
36	Đặng Thị Quảng	Trường Xuân	Trường Xuân	93	673	1.684,2	Trước ngày 15/10/1993	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
37	Đặng Xuân (Nguyễn Thị Thanh)	Trường Xuân	Trường Xuân	104	546	2.313,9	Trước ngày 18/12/1980	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở trước ngày 18/12/1980, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp
38	Lương Thị Ly	Đại Đồng	Đại Đồng	3	336	111,4	trước ngày 15/10/1993	Đất do bà Lương Thị Ly nhận thừa kế QSD đất, thửa đất sử dụng làm nhà ở trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
39	Phạm Văn Ngoán (Đặng Thị Lai)	Sa Xá	Sa Xá	58	604	550,5	Năm 1989	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1989, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1989	Không	Phù hợp
40	Trần Văn Tuyển (Trần Thị Tuệ)	Minh Xuân	Minh Xuân	81	611	837,6	Năm 1970	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1970, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 18/12/1980 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1970	Không	Phù hợp
41	Võ Tả Sư (Hò Thị Hương)	Liên Sơn	Liên Sơn	38	491	32,4	Trước ngày 15/10/1993	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
42	Lê Đức Thọ (Trần Thị Thanh)	Sa Xá	Sa Xá	60	416	0,0	Năm 1991	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1991, do gia đình cất giữ không cẩn thận bị mất giấy CN		1991	Không	Phù hợp

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
43	Hồ Văn Toàn (Hồ Thị Nguyệt)	Nam Xuân	Nam Xuân	130	190	1.543,2	Năm 1995	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1995, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1995	Không	Phù hợp
44	Hoàng Văn Trí (Luong Thị Chiến)	Văn Lạc	Văn Lạc	31	567	11,5	Năm 2011	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất từ năm 2011, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2011 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	2011	Không	Phù hợp
45	Lê Thị Lập	thôn Trường Thanh, xã Kỳ Khang	Dại Đồng	3	326	-314,2	Năm 1978	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1978, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm	1978	Không	Phù hợp

- Danh sách này được công khai trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày 24/11/2025, đến ngày 08/12/2025 Tại địa điểm: Trung tâm Hành chính công xã Kỳ Văn, Nhà văn hóa thôn Tây Xuân, Trung Sơn, Hòa Hợp, Văn Lạc, Nam Mỹ Lợi, Sa Xá, Liên Sơn, Trung Xuân, Mỹ Liên, Đông Xuân, Trường Xuân, Đại Đồng, Hồng Xuân, Nam Sơn và Minh Xuân.

- Người không đồng ý với kết quả kiểm tra trên đây thì gửi đơn đến UBND xã Kỳ Văn để giải quyết; sau thời gian trên sẽ không xem xét giải quyết.

Kỳ Văn, ngày tháng năm 2025
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ





Võ Tiến Chung

Nguyễn Đình Kế



Phan Công Toàn